

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Số: 04/2026/HĐKT/TT-UT

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2015 – có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ luật thương mại nước CHXHCN Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005– có hiệu lực từ ngày 01/01/2006
- Căn cứ sự thỏa thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2026

BÊN A: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI (Gọi tắt là bên A)

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Liễu
Chức vụ : Phó Giám đốc Công Ty
Địa điểm KD : Thôn Đỗ Xá, Xã Phù Đồng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế : 0105860651
Tài khoản số : 118000106263 tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Tiên Sơn, Bắc

Ninh

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRỌNG TÍN (Gọi tắt là bên B)

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Thanh Nhài
Chức vụ : Giám đốc Công ty
Trụ sở chính : Thôn 3, Xã Nam Phù, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm KD : Đường Đồng Tâm, Xã Hồng Vân, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 0982157254
Tài khoản số : 118000122508, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam PGD Hoàng Mai
Mã số thuế : 0106535710

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

- 1.1 Bên A đồng ý cung cấp cho bên B các mặt hàng thịt gia cầm đã qua sơ chế sau đây gọi là hàng hóa.
- 1.2 Các mặt hàng cụ thể sẽ được hai bên xác nhận qua đơn đặt hàng.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thanh toán cho Bên A theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết cung cấp cho Bên B đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cùng các giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng của hàng hóa, chịu hoàn toàn trách nhiệm và chi phí nếu để xảy ra vấn đề mất an toàn thực phẩm, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.



Bán hàng chất lượng tốt cho Bên B, hướng dẫn Bên B trong việc sử dụng bảo quản hàng, việc tiếp thị để xây dựng nhu cầu của khách hàng về Các Sản Phẩm.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng theo giá bên A cung cấp cho từng thời điểm, thời gian bình ổn giá áp dụng theo từng tháng (từ ngày mùng một đến hết tháng). Nếu giá cả thị trường có biến động lớn bên A được quyền điều chỉnh giá và sẽ thông báo cho bên B trước 7 ngày.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

b) Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo đơn đặt hàng.

Bên B sẽ thanh toán 100% lượng hàng đã mua cho Bên A ngay sau khi nhận đủ biên bản nghiệm thu theo từng đơn đặt hàng.

c) Đồng tiền thanh toán trong hợp đồng : VND (Đồng Việt Nam)

Điều 5. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.1. Theo sự thỏa thuận của Hai Bên

6.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên kia biết trước 15 ngày.

6.3. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên B gia hạn;

b) Bên A bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

Điều 7. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên A phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 8. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên A phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo). Các tài liệu, hồ sơ chứng từ kèm theo bao gồm: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO)(nếu có), Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất (CQ)(nếu có), Hóa đơn tài chính, Phiếu bảo hành sản phẩm, các tài liệu hướng dẫn sử dụng và các tài liệu có liên quan.
2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được đóng gói, vận chuyển theo đúng qui cách qui định của nhà sản xuất, bất kỳ vi phạm nào trong việc vận chuyển hàng hóa làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
3. Bên B hoặc đại diện của Bên B có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: trong vòng 01(một) ngày kể từ ngày bên B nhận hàng hóa, tại thời điểm bên B kiểm tra hàng hóa phải có sự có mặt của bên A để chứng kiến và xác nhận. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên B có quyền từ chối và Bên A phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật.

Điều 9. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.
2. Hàng hóa do Bên A cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo đúng qui định pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 1 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo qui định pháp luật

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2026 đến ngày 21 tháng 04 năm 2027 và duy trì cho các năm kế tiếp về sau cho đến khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

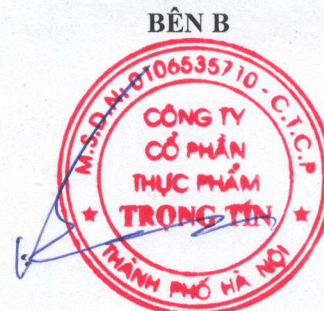
Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bộ, mỗi bên giữ 01(một) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Liễu

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Nhài



BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0105860651

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 04 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 25 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI
THÀNH LỢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912573857

Fax:

Email: thanhloi8668@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 8.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN LỢI	Việt Nam	Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.800.000.000	60,000	001082030367	
2	NGUYỄN THỊ LIÊU	Việt Nam	Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.200.000.000	40,000	001182017911	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LỢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082030367

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 1730 05 Quyền số: -SCT/BS

Ngày 23 tháng 12 năm 20 25

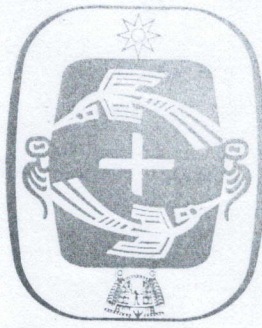
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Hà Thanh

Người thực hiện chứng thực
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thòà



ISO CERT
Hài Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 8935293400292-FSMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

Giết mổ, sơ chế, bảo quản thịt gia cầm.

(Mã ngành: C0)

Ngày chứng nhận lần đầu	: 23.06.2022
Ngày chứng nhận	: 24.06.2025
Ngày phát hành	: Lần 5 - 24.06.2025
Ngày hết hạn	: 23.06.2028
Chi tiết tại quyết định số	: 240625.08/QĐ-ISO CERT



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:
8935293400292

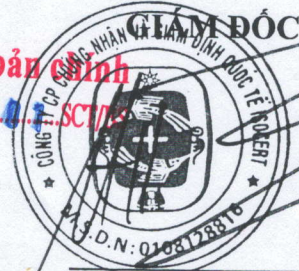
Chứng thực phù hợp với bản gốc

Số chứng thực: Quyển số: SCT/13

Ngày: 24/06/2025



ISO CERT
TƯỞNG CHỨC TỊCH
ISO 22000:2018



ThS. Vũ Hoàng Tuấn

QUẢN LÝ VĂN PHÒNG HĐND-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN

Cơ sở: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI**

Địa chỉ: **Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội**

Điện thoại: 0912573857

Fax:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

1. Sơ chế thịt gia cầm
2. Bảo quản thịt gia cầm

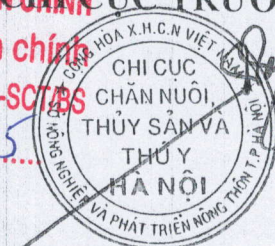
Số cấp: 18/2024/NNPTNT-HN

Có hiệu lực đến ngày 17 tháng 5 năm 2027./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1730.....Quyển số 5.....-SCT/BS
Ngày 23 tháng 12 năm 2025

Người thực hiện chứng thực
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



Nguyễn Đình Đăng



CÔNG CHỨNG VIỆN



Mã số/ Code: DV142411405/02



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI
- Địa chỉ/ Address : Thôn Đỗ Xá, Xã Phú Đồng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : Nước sản xuất
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong chai nhựa, nắp kín. Thể tích: 500 ml/chai; số lượng: 01 chai
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 26/11/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 26/11/2025-10/12/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/12/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	pH *	-	7,25	TCVN 6492:2011
2	Độ đục *	NTU	0,23	SMEWW 21308:2023
3	Màu sắc *	mgPt/L	6,02	TCVN 6185:2015
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	Cảm quan
5	Arsen (As) *	mg/L	< LOQ = 0,005	SMEWW 3114B:2023
6	Clor dư	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6225-2:2021
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/L	205,8	TCVN 6224:1996
8	Chì (Pb) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3113B:2023
9	Thủy ngân (Hg) *	mg/L	KPH (LOD = 0,0002)	SMEWW 3112B:2023
10	Cadimi (Cd) *	mg/L	KPH (LOD = 0,0002)	SMEWW 3113B:2023

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNT-IST/ This report will not be reproduced or republished without VNT-IST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DN110-1 Điểm tụ thủ công nghiệp, làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 024 66 86 76 38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

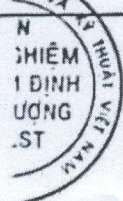


Mã số/ Code: DV142411405/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	E. coli *	CFU/100mL	KPH (LOD = 1)	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR
 VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
 THS. TRỊNH CÔNG SƠN



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142411405/01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI
- Địa chỉ/ Address : Thôn Đỗ Xá, Xã Phù Đổng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : Thịt gà
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 300 g/túi; số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 26/11/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 26/11/2025-10/12/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/12/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Cảm quan (Màu sắc, trạng thái, mùi vị)	-	Da có màu vàng, không tụ máu, Thịt mềm, đàn hồi tốt, Không có mùi hôi hay mùi lạ	VNT.H.03.V.42
2	Hydrosulfua (H ₂ S)	-	Âm tính	Ref. TCVN 3699:1990
3	Nitơ amoniac	mg/100g	16,65	TCVN 3706:1990
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
5	Chì (Pb)	mg/kg	< LOQ = 0,08	TCVN 10912:2015
6	Tetracycline (TC) *	µg/kg	KPH (LOD = 10)	VNT.H.03.Fo.208 (2021) (Ref : AOAC 995.09)
7	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	1,1x10 ³	TCVN 4884-1:2015
8	E. coli *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
 2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
 4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), items are tested by subcontractors (**).
 5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment, marked (a), items certified by Vincerts marked (b), items designated by Animal Husbandry Agency marked (c).



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
 VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiêu thụ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn



VILAS 1296
 ISO/IEC 17025:2017

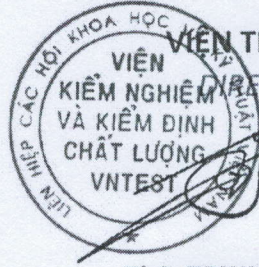
VQMS 533

Mã số/ Code: DV142411405/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
9	Salmonella spp. *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
 2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
 4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TM
THÀNH LỢI

Số:01/2024/XNKT-ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

BAN SAO

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

- Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Căn cứ tài liệu tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế;
- Căn cứ kết quả tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của Công ty TNHH thực phẩm thương mại Thành Lợi;

Công ty TNHH Thực Phẩm Thương Mại Thành Lợi xác nhận Ông/Bà (Có Danh sách kèm theo)

Thuộc: Công ty TNHH Thực Phẩm Thương Mại Thành Lợi

Địa chỉ: Thôn Đỗ Xá, Xã Yên Thường, Huyện Gia Lâm, Thành Phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0105860651 Cấp ngày: 09/04/2012

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Đã được tập huấn kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị 03 năm kể từ ngày ký

LỜI CHỨNG CHỰC BẢN SAO TỰ BẢN CHÍNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 1730 Quyền số: 5 - SCT/BS

Ngày 23 tháng 12 năm 2025

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Lưu: Phòng DVKH, HCNS.

Người thực hiện chứng thực
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

KT GP/P.GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Vương Thị Liễu



CÔNG CHỨNG VIÊN

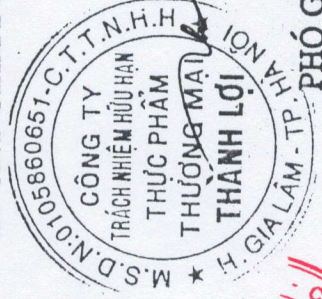
DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Danh sách cán bộ nhân viên tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm Số: 01/2024/XNKKT-ATTP)

Họ và tên	Chức vụ	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ Thẻ Căn cước	Ngày cấp	Nơi cấp
NGUYỄN VĂN LỢI	Giám Đốc	Nam	25/12/1982	001082030367	24/07/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
NGUYỄN THỊ LIÊU	Phó Giám Đốc	Nữ	06/03/1982	001182017911	24/07/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
NGUYỄN THỊ TÂM	NV phòng HCKT	Nữ	21/01/1989	068189000006	14/05/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
NGUYỄN THỊ ANH	NV Sản xuất	Nữ	16/12/1999	027199001749	25/04/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
NGUYỄN VĂN TUYẾN	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	06/06/1996	001096039469	19/08/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
VŨ HỒNG THÁI	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	03/10/1978	001078003069	10/05/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
NGUYỄN VĂN PHÚ	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	31/07/1987	001087026101	31/12/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
HOÀNG MINH VƯỢNG	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	29/05/1996	008096006447	06/09/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
PHẠM THANH TÙNG	NV Sản xuất và giao hàng	Nam	10/8/1984	034084024209	14/08/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH
Ý VĂN VƯƠNG	NV Sản xuất	Nam	23/05/1994	019094003491	11/08/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024

KT GD/P GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Liễu

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: TL Số lượng HC: 4+74 Số lượng Bạch cầu: 27.5 Số lượng tiểu cầu: 27.5 Ure: 5+5 Creatinin: 160 ASAT (GOT): 40 ALAT (GPT): 50	Mai Thị Thu Nga
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	Mai Thị Thu Nga
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): XQ tim phổi: 1.5	1.5 Mai Thị Thu Nga

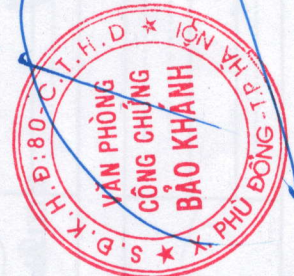
IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại 1
 2. Các bệnh, tật (nếu có):

CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH

Ngày thực: 03.2.2023 Quyển số: SC1785
 Ngày: 08 tháng 7 năm 2023

Người thực hiện chứng thực
 (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Hằng

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH
 TRUNG TÂM Y TẾ TỪ SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢN SAO

Số: 452/GKSK-TTYTTS

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ THU NGÀ
 2. Giới tính: Nam Nữ
 3. Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1982 (Tuổi: 43...)
 4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/dịnh danh CD 001.082.03.03.67
 Cấp ngày 24.11.2021 Tại UBND Quận Sơn Tây, Hà Nội
 Nơi ở hiện tại: Đ. Trần Hưng Đạo - Hà Nội
 Địa chỉ khám sức khỏe: Liên Lạc

1. TIỀN SỬ GIA ĐÌNH:
 Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:
 a) Không b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:
 2. TIỀN SỬ BẢN THÂN: Ông (bà) đã mắc mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	13	Bệnh tâm thần	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	15	Ngất, chóng mặt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	16	Bệnh tiêu hóa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
7	Tăng huyết áp	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
8	Khé thở	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Bệnh thận, lọc máu	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Nghiện rượu, bia	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	22	Bệnh khác (ghi rõ)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

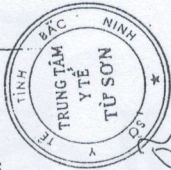
I. Câu hỏi khác (nếu có):

Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng: không

Tiền sử thai sản (Đôi với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Từ Sơn, ngày 24 tháng 7 năm 2025
 Người đề nghị khám sức khỏe
 (Ký và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN CỐ

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 1.75 cm; - Cân nặng: 75 kg; - Chỉ số BMI: 24.5
 - Mạch: 75 lần/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
a) Nội khoa		
Tuần hoàn	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
Hô hấp	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
Tiểu hóa	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
Thận-Tiết niệu	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
		BSCXII

Phân loại	<u>I</u>	
d) Nội tiết	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
e) Cơ - xương - khớp	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
g) Thần kinh	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
h) Tâm thần	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại	<u>I</u>	BSCXII
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại:	<u>I</u>	BSCXII
- Da liễu:	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại:	<u>I</u>	BSCXII
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:	<u>I</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: <u>0.12</u> ; Mắt trái: <u>0.12</u> ... Có kính: Mắt phải: <u>0.12</u> ; Mắt trái: <u>0.12</u> ...		<u>Đỗ Văn 16</u>
Các bệnh về mắt (nếu có):	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại:	<u>I</u>	BSCXII
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường: <u>5</u> m; Nói thầm: <u>10</u> m		
Tai phải: Nói thường: <u>5</u> m; Nói thầm: <u>10</u> m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại:	<u>I</u>	BSCXII
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:	Hàm trên: <u>không</u> Hàm dưới: <u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	<u>không</u>	<u>Đỗ Văn 16</u>
Phân loại:	<u>I</u>	BSCXII

1. Chỉ đạo, định hướng hoạt động chung của Công ty và Chi nhánh (nếu có). Trực tiếp điều hành, chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, nghiệp vụ và chịu trách nhiệm cá nhân trước Giám đốc Công ty về toàn bộ các hoạt động và công tác quản lý, điều hành Công ty kể từ ngày: 10/05/2022.
2. Trực tiếp chỉ đạo các công việc huy động vốn, cơ cấu nguồn vốn, sử dụng vốn; lập và trình Giám đốc phê duyệt và/hoặc phê duyệt theo thẩm quyền kế hoạch tài chính hàng quý, năm của Công ty và Chi nhánh theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tài chính, văn bản nội bộ có liên quan của Công ty;
3. Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm/ quý trình Giám đốc xem xét phê duyệt và tổ chức triển khai sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4. Quyết định/ phê duyệt theo thẩm quyền việc khen thưởng, kỷ luật, kế hoạch tiền lương, tiền thưởng và kế hoạch tuyển dụng nhân sự, hợp đồng lao động, chế độ tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm nghề nghiệp... với Cán bộ nhân viên của Công ty và Chi nhánh theo Điều lệ Công ty, các Quy chế tài chính, các quy định nội bộ có liên quan của Công ty;
5. Đề xuất việc tăng lương, điều chỉnh lương, các khoản thu nhập khác cho Cán bộ Nhân viên Công ty và Chi nhánh theo Quy chế tiền lương của Công ty và các quy định nội bộ có liên quan;
6. Được ủy quyền đại diện Giám đốc Công ty ký duyệt và/hoặc ký thay các văn bản, tài liệu thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật như sau:
 - Hợp đồng kinh tế/ dân sự/ lao động, phụ lục hợp đồng, biên bản thỏa thuận về việc thực hiện hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, thỏa ước/ thỏa thuận/ biên bản ghi nhớ... phục vụ hoạt động kinh doanh; séc, ủy nhiệm chi, giấy rút tiền trong giao dịch với Ngân hàng/ Tổ chức tín dụng và các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;*
 - *Các hồ sơ, tài liệu báo cáo, hóa đơn, ..., gửi các Cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật liên quan hoạt động kinh doanh của Công ty;*
 - *Các hồ sơ, tài liệu, văn bản định chế nội bộ, văn bản chỉ đạo các văn bản/ quy định, quy trình, hướng dẫn triển khai nghiệp vụ, chính sách khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định thuộc thẩm quyền ký, thực hiện đối với chức danh Giám đốc Công ty.*
7. Được toàn quyền thay mặt Người ủy quyền trong việc đứng tên chủ tài khoản của Công ty mở tại các Tổ chức tín dụng, sử dụng và thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản thanh toán tại Tổ chức tín dụng của Công ty;
8. Được ký duyệt và/hoặc ký thay Giám đốc Công ty trong việc duyệt chi các khoản chi phí thường xuyên, hàng tháng theo Điều lệ Công ty, Quy chế tài chính và các quy định nội bộ có liên quan của Công ty thuộc thẩm quyền, hạn mức của Tổng Giám đốc Công ty hoặc sau khi được cấp có thẩm quyền của Công ty phê duyệt;

6066

NG T

HIỆM HƯ

C PH/

JNG N

NH LI

1- TP

9. Được phép sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện các giao dịch, hoạt động, văn bản, tài liệu trong phạm vi ủy quyền của Giấy ủy quyền này;
10. Là người đại diện phát ngôn của Công ty.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Thực hiện đúng, đầy đủ phạm vi công việc được ủy quyền đồng thời chịu trách nhiệm trước Bên ủy quyền và Pháp luật, Giám đốc Công ty trong phạm vi được ủy quyền, có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty đối với nội dung và phạm vi được ủy quyền.
2. Tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định của Công ty. Không được lạm dụng quyền hạn để thực hiện các công việc mang tính chất tư lợi cá nhân, làm ảnh hưởng, thiệt hại đến tài sản, uy tín của Công ty.
3. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm công báo công khai nội dung được ủy quyền tại văn bản này cho tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác, quan hệ giao dịch với Công ty TNHH Thực phẩm thương mại Thành Lợi về phạm vi, thẩm quyền và nội dung được ủy quyền.
4. Trong phạm vi được ủy quyền phải thực hiện đúng trách nhiệm, giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các công việc theo thẩm quyền, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Bên ủy quyền và bồi thường mọi thiệt hại nếu Bên được ủy quyền thực hiện công việc vượt quá phạm vi Giấy ủy quyền này.
5. Hàng tháng/ quý/ năm báo cáo tất cả các công việc, văn bản đã ký/ phát sinh từ Giấy ủy quyền này cho Giám đốc Công ty trước ngày mùng 10 của tháng/ quý/ năm kế tiếp.
6. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

III. HIỆU LỰC ỦY QUYỀN

1. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày: 10/05/2022 cho đến khi có văn bản thay thế/ hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực.
2. Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.
3. Giấy ủy quyền này được lập thành 05 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện, 03 bản lưu giữ tại trụ sở Công ty./.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC



Hợp đồng mua bán gà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN GÀ

Số: 1276293 - 12/125 - JCVPT - POS

Ngày: 21/12/2025

GIỮA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

VÀ

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm có.

Bên Bán : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA
COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ : Tổ Dân Phố Kim Phượng, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ,
Việt Nam

Điện thoại : 0211.3.866.170 Fax: 0211.3.866.182

MST : 2500175548

Đại diện bởi : Ông Sanjeev Kumar

Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

(Sau đây gọi là **Bên A**)

Bên mua : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI THÀNH LỢI

Đại diện bởi : Ông NGUYỄN VĂN LỢI

Chức vụ : Giám Đốc

MST : 0105860651

Địa chỉ : Thôn Đổ Xá, Xã Phù Đổng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0912573857

Số CCCD : 001082030367

Cấp bởi : Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

(Sau đây gọi là **Bên B**)

(**Bên A** và **Bên B** sau đây gọi chung là “các Bên” và gọi riêng là “Bên”)

Xét rằng:

Bên A là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi và tổ chức chăn nuôi tại thị trường Việt Nam;

Bên B có nhu cầu và mong muốn mua số lượng lớn gà của Bên A để chế biến/ bán lẻ;

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA

Bên B đồng ý mua và Bên A đồng ý bán gà lông trắng (sau đây gọi là gà) với chi tiết như sau:

- 1.1. Chất lượng
Theo tiêu chuẩn của Bên A. Gà khỏe mạnh, không bệnh tật.
- 1.2. Giá gà:
 - i. Giá gà do Bên A quy định.
 - ii. Bên A sẽ thông báo giá gà cho Bên B hàng ngày hoặc bất cứ khi nào có thay đổi bằng văn bản, email, fax hoặc điện thoại, tin nhắn;
 - iii. Những đơn đặt hàng sau khi giá gà được thông báo sẽ theo giá mới thông báo đó;

ĐIỀU 2: ĐẶT HÀNG

- 2.1. Bên B đặt mua gà muộn nhất trước 9 giờ sáng của ngày bắt gà;
- 2.2. Việc đặt hàng có thể bằng văn bản, fax, email hoặc điện thoại và tin nhắn.
- 2.3. Đơn đặt hàng của Bên B phải chi tiết loại, số lượng gà, thời gian giao nhận và thông tin khác (nếu có);
- 2.4. Yêu cầu đối với đơn hàng:
 - i. Số lượng gà tối thiểu mỗi lần mua: ≥ 1400 con/ ngày
 - ii. Bên B phải đặt và mua gà ít nhất : 25 ngày/ tháng
 - iii. Sản lượng gà tối thiểu mua trong tháng : 35000 con
 - iv. Nếu Bên B không thực hiện yêu cầu trên, Bên A có đầy đủ quyền (nhưng không có nghĩa vụ) từ chối các đơn đặt hàng của Bên B;
- 2.5. Nếu Bên A không có đủ gà theo đơn đặt hàng của Bên B, thông báo cho Bên B biết ngay lập tức;

ĐIỀU 3: THANH TOÁN

- 3.1. Bên B phải thanh toán 100% giá trị số gà đặt mua trước khi bắt gà;
- 3.2. Trong trường hợp Bên B không thanh toán đủ giá trị 100% đơn đặt hàng, Bên A sẽ giao gà theo số tiền thanh toán thực tế.
- 3.3. Phương thức thanh toán:
 - i. Chuyển khoản:
Bên B chuyển khoản thanh toán vào các tài khoản ngân hàng sau của Bên A:

a) Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	22VP00000354
Tên ngân hàng:	Vietinbank – chi nhánh Bình Xuyên – Vĩnh Phúc

Trong trường hợp Bên A thay đổi tài khoản, thông báo cho Bên B ngay lập tức;

- ii. Thanh toán bằng hệ thống bưu điện theo mã code nộp tiền đã được thông báo tới Bên B;

Cụ thể :

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam	
Số tài khoản	22VP000 + 5 số cuối code Khách hàng
Tên ngân hàng:	Vietinbank

3.4. Nội dung chuyển tiền.

Nội dung chuyển tiền như sau:

Code khách hàng + Họ tên Khách hàng + Tên sản phẩm mua + số tiền thực tế chuyển

3.5. Đối trừ công nợ:

Bên A có thể, tùy thuộc vào quyết định của mình, đối trừ tổng giá trị hàng hóa của đơn hàng với các khoản phải trả Bên B.

ĐIỀU 4: GIAO NHẬN HÀNG

4.1. Địa điểm giao nhận:

Tại trại của Bên A, theo thông báo của Bên A;

4.2. Thời gian giao nhận:

Theo đặt hàng của Bên B hoặc thỏa thuận khác giữa hai Bên;

4.3. Khi Bên B đến bắt gà, mang theo lồng gà. Số lượng lồng phải đảm bảo đựng số lượng gà mà Bên B đặt.

Đảm bảo vệ sinh lồng gà và xe gà sạch sẽ trước khi vào trại gà của Bên A.

Nếu Bên B không đảm bảo vệ sinh khi vào trại, Bên A có quyền từ chối đơn hàng ngày hôm đó của Bên B.

- 4.4. Việc bắt gà do công nhân tại trại thực hiện dưới sự giám sát của Bên A.
Bên B không được phép vào chuồng gà, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Bên A;
- 4.5. Việc giao nhận được coi là đã hoàn thành khi cân gà xong;
Hai bên sẽ ký Phiếu cân gà để xác nhận việc giao nhận gà đã hoàn thành.
- 4.6. Bên B phải kiểm tra gà trước khi nhận. Bất kỳ khiếu nại nào sau khi nhận gà sẽ bị coi là vô hiệu;
- 4.7. Bên B, bằng chi phí của chính mình, có trách nhiệm bốc xếp và vận chuyển gà;
- 4.8. Bất kỳ mất mát/ thiệt hại nào đối với gà sau khi giao nhận, bao gồm nhưng không giới hạn những mất mát/ thiệt hại xảy ra trong quá trình bốc xếp và vận tải, sẽ do Bên B chịu;
- 4.9. Bên B phải tuân thủ các quy định của Bên A khi đi vào/ ra trang trại/ kho của Bên A.
- 4.10. Nếu Bên B không đến bắt gà theo đặt hàng, Bên A có toàn quyền hủy đơn hàng của Bên B. Mọi chi phí phát sinh do Bên B không thực hiện đúng theo đơn đặt hàng sẽ do Bên B chịu.
Số tiền Bên B đã thanh toán cho đơn đặt hàng trên đây sẽ được chuyển sang lần mua kế tiếp sau khi trừ đi các chi phí phát sinh;
- 4.11. Bên A sẽ cung cấp các giấy tờ sau cho Bên B khi giao nhận gà:
- (i) Tờ khai (nếu có);
 - (ii) Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (nếu có);
 - (iii) Kẹp chì;
 - (iv) Phiếu cân gà;
 - (v) Giấy tờ khác (nếu có);

ĐIỀU 5: CHIẾT KHẤU, KHUYẾN MẠI VÀ THUẾ

5.1. Chiết khấu và Khuyến mại

- i. Bên B có quyền hưởng chiết khấu/ khuyến mại theo chính sách của Bên A (nếu có);
- ii. Mức chiết khấu theo chính sách của Bên A. Trong trường hợp có thay đổi, Bên A sẽ thông báo cho Bên B được biết;
- iii. Bên A có thể thông báo chính sách chiết khấu/ khuyến mại cho Bên B theo bất kỳ phương thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bằng văn bản, email, fax, điện thoại hoặc tin nhắn;



- iv. Bên B mua đủ sản lượng và số ngày mua theo khoản 2.4 Điều 2 của hợp đồng này, được hưởng theo chế độ và chính sách của Bên A (nếu có);

5.2. Thuế

- i. Bên B tự chịu trách nhiệm pháp lý kê khai và nộp (và không yêu cầu Bên A bồi hoàn) đối với các loại thuế (bao gồm nhưng không giới hạn: thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp) mà cơ quan thuế Việt Nam có thể ấn định đối với Bên B liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này;
- ii. Bên A, theo quy định pháp luật về thuế của Việt Nam, sẽ thực hiện kê khai, khấu trừ và nộp cho cơ quan thuế bất kỳ khoản thuế nào theo quy định của pháp luật trước khi chi trả các khoản thu nhập phát sinh từ hợp đồng này cho Bên B.

ĐIỀU 6: SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1. Bất khả kháng là hành động, sự kiện hoặc điều kiện bất lợi ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của các bên trong phạm vi hợp đồng này mà các trường hợp đó nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của bên chịu trách nhiệm. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn đối với các trở ngại hay luật cấm bởi chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp quốc gia (dù đã được tuyên bố hay chưa tuyên bố), hành vi thù địch, xáo trộn công cộng, đình công, ghi danh sách đen, tẩy chay, trừng phạt, tranh chấp lao động khác và bãi công, dịch bệnh của người hay của động vật (dù công bố hay không công bố), hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, bão, sóng thần hoặc các thiên tai khác;
- 6.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo cho Bên còn lại ngay lập tức hoặc trong một khoảng thời gian hợp lý nhưng không quá 24 tiếng về việc bị ảnh hưởng và phải thực hiện các hành vi ngăn chặn bằng tất cả khả năng có thể để hạn chế các tổn thất, rủi ro và thiệt hại xảy ra;
- 6.3. Bất kỳ sự chậm trễ thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ nào quy định trong Hợp đồng này trong trường hợp bất khả kháng đều không bị coi là hành vi vi phạm hợp đồng, và Bên bị ảnh hưởng sẽ không phải đền bù bất kỳ thiệt hại nào, với điều kiện phải thực hiện đúng theo quy định tại Điều: 6.2 nói trên

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 21/12/2025 và chấm dứt hiệu lực vào ngày 20/12/2026;
- 7.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt hiệu lực trước thời hạn trong các trường hợp sau:
- i. Theo sự thỏa thuận của hai bên;
- ii. Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Khi đó, Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng sẽ thông báo cho Bên còn lại biết trước ít nhất 01 tháng bằng văn bản.
- iii. Bên A, tùy thuộc vào quyết định của mình, có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Bên B nếu:
- Bên B vi phạm quy định về số lượng gà và số lần mua gà quy định tại Điều 2.4 của Hợp đồng trong 03 (ba) tháng liên tục mà không thông báo và được sự chấp thuận trước của Bên A;
 - Bên B không mua gà trong 20 (hai mươi) ngày liên tục mà không thông báo và được sự chấp thuận trước của Bên A;
- iv. Các trường hợp khác theo pháp luật Việt Nam;
- 7.3. Nếu hai bên đồng ý, Hợp đồng sẽ được gia hạn bởi một hợp đồng mới hoặc một phụ lục với đầy đủ chữ ký và dấu của Các Bên.

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào liên quan tới/ phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng. Nếu hai bên không thể tự thỏa thuận trong 30 ngày, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo Pháp luật Việt Nam. Án phí và các chi phí khác sẽ do bên thua chịu trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 9: QUYỀN ƯU TIÊN

Bên B bắt đủ số lượng và đủ số ngày theo quy định tại khoản 2.4 điều 2 sẽ được hưởng những quyền lợi sau từ bên A:

- 9.1. Bên B được ưu tiên tuyệt đối về sản lượng mua/ ngày.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 10.1. Các Bên sẽ giữ bí mật hợp đồng và mọi thông tin liên quan đến hợp đồng này và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào cho bên thứ ba trừ trường hợp theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
Điều khoản này sẽ có giá trị áp dụng kể cả khi hợp đồng này chấm dứt hiệu lực
- 10.2. Nếu bất kỳ bên nào vi phạm hợp đồng này và gây thiệt hại cho bên còn lại, bên vi phạm phải bồi thường đầy đủ và chịu mọi trách nhiệm;
- 10.3. Mọi sự thay đổi hoặc bổ sung của Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được thể hiện bằng văn bản thỏa thuận có chữ ký và con dấu của Các Bên.
- 10.4. Hợp Đồng này thay thế mọi thỏa thuận, cam kết, sắp xếp trước đó, dù bằng miệng hay bằng cách khác, nếu có, giữa các Bên liên quan đến vấn đề chính của Hợp Đồng này;

HỒN
CHỮ
KHẢ
G -

U.N.O
TR
TI
T
GIAL

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A *Trần*



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
SANJEEV KUMAR

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lợi

LỜI CHỨNG CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: **1730**... Quyển số:-SCT/BS

Ngày **23**... tháng **12**... năm 20**25**...

Người thực hiện chứng thực
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Hòa





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận Quy trình thực hành chăn nuôi tốt /
Certify that the Good Animal Husbandry Practices Procedure

Của/ Of

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Địa chỉ/ Address

Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam;
Huong Canh Town, Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam

Địa điểm nuôi chăn nuôi/ **Manufacturing location:**

Theo phụ lục đính kèm
According to the attached appendix

Sản phẩm/ **Products:** Gà trắng thương phẩm /Chickens

Quy mô/ **Scale:** 301.000 (con/lứa)

Sản lượng dự kiến/ **Expected capacity:** 1.806.000 (con/năm)

Điện thoại/ **Telephone:** 02113866170

Email: linh.vudieu@japfa.com

Phù hợp với/To be in conformance with:

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI GÀ TẠI VIỆT NAM (VietGAHP chăn nuôi gà)

According to Decision No 4653/QĐ-BNN-CN dated 10th November 2015 Of
Minister of Agriculture and Rural Development

Được phép sử dụng dấu chứng nhận theo quy định tại VD1-10 của VinaCert/
Allowed to use the conformity mark prescribed in the VinaCert's V01-10

Số giấy chứng nhận/ **Certificate No.:**

VietGAHP-CN-22-04-26-0010

Ngày chứng nhận lần đầu/ **Original Certification Date:**

21/03/2023

Ngày cấp/ **Issue Date:**

20/03/2025

Ngày hiệu lực/ **Effective Date:**

20/03/2025

Hạn hiệu lực/ **Expiry Date:**

19/03/2027



VietGAHP-CN-22-04 VietGAHP-CN-22-04-26-0010

